

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bản án số: 10/2026/HNGĐ-ST
Ngày 05/02/2026
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lan; bà Trịnh Thị Oanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Lương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, tỉnh Đắk Lắk, tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trần Duy Quyền – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại Hội trường xét xử trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 141/2025/TLST - HNGĐ ngày 14/10/2025, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/01/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2026/QĐST –TA ngày 20/01/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị Bích H, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Thôn Ph xx, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi ở hiện tại: Thôn xx, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn Ph xx, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Dương Thị Bích H trình bày như sau:

Tôi (Hồng) và anh Trần Văn L sau một thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau tự nguyện thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 88/2017, ngày 06 tháng 12 năm 2017.

Sau khi cưới vợ chồng tôi sống hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh L đam mê cờ bạc, dẫn đến nợ nần. Từ trước đến nay anh L không có trách nhiệm với con cái, thậm chí khi đưa tôi đi sinh anh L

còn lấy tiền tôi dành để sinh con đi chơi tài xỉu. Sự việc trên xảy ra nhiều năm nên tình cảm vợ chồng càng phai nhạt, tôi đã khuyên can, gia đình có nhắc nhở nhưng không có kết quả. Từ năm 2023 thì vợ chồng sống ly thân nhau không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Xét tình cảm vợ chồng không còn. Mục đích hôn nhân không đạt nên tôi nộp đơn đến Tòa án và có nguyện vọng xin được ly hôn anh Trần Văn L.

+ Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng tôi 02 con chung là cháu Trần Gia H, sinh ngày 19/3/2018 và cháu Trần Kim Ng, sinh ngày 03/11/2022.

Nguyện vọng của tôi về con chung tôi xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Gia H, sinh ngày 19/3/2018, cháu Trần Kim Ng, sinh ngày 03/11/2022 cho đến khi các cháu trưởng thành.

+ Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Hiện tại tôi mở quán bán cà phê kiêm làm neo (Làm móng tay, chân). Thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Do vậy, nếu được nuôi con tôi không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống tôi và anh L chưa tạo lập được tài sản nào chung, không có tài sản cho người khác vay nợ và không vay nợ tài sản của người khác nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trần Văn L, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng anh L không đến Tòa án để lập bản tự khai, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, nên không có lời khai, không ghi nhận được ý kiến của anh L.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xã E, tỉnh Đắk Lắk thu được như sau: Chị Dương Thị Bích H và anh Trần Văn L là vợ chồng có đăng ký thường trú và chung sống tại địa phương. Quá trình chung sống chị H, anh L có hai người con chung là cháu Trần Gia H, sinh ngày 19/3/2018 và cháu Trần Kim Ng, sinh ngày 03/11/2022. Quá trình chung sống chị H và anh L có xảy ra mâu thuẫn, chị H có báo với địa phương về việc vợ chồng có xảy ra trục trặc. Tuy nhiên, mâu thuẫn cụ thể như thế nào, nguyên nhân vì sao thì địa phương không nắm được. Vì chị H và anh L không đề nghị địa phương hòa giải, chị H và anh L đã sống ly thân thời gian khá dài, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, khi ly thân chị H đem theo cháu Trần Kim Ng đi về nhà bố mẹ để sinh sống, còn cháu Trần Gia H thì sinh sống với anh Trần Văn L tại thôn Phước Tân 3, xã Ea Phê đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh L thì đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Chị Dương Thị Bích H vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn anh Trần Văn L, về con chung chị H xin được nuôi dưỡng cháu Trần Kim Ng, sinh ngày 03/11/2022, đối với cháu Trần Gia H sinh ngày 19/3/2018 do từ năm 2023 đến nay cháu đang sống với anh Trần Văn L và hiện nay cháu H có nguyện vọng xin ở với anh L do đó chị H đồng ý giao cháu Trần Gia H cho anh Trần Văn L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên, không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Trần Gia H con có nguyện vọng xin được sống với bố là ông Trần Văn L.

Bị đơn anh Trần Văn L vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của anh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắc Lắc phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Sau khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; Thành phần HĐXX tại phiên tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Dương Thị Bích H đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Văn L đã được Tòa án thông báo hợp lệ nhưng không đến Tòa án tham gia phiên họp, phiên hòa giải là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn Chị Dương Thị Bích H xin vắng mặt, bị đơn anh L vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt anh L.

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Đề nghị HĐXX tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Chị Dương Thị Bích H.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho Chị Dương Thị Bích H ly hôn anh Trần Văn L.

- Về con chung: Ghi nhận nguyện vọng của Chị Dương Thị Bích H:

+ Giao con chung là cháu Trần Gia H, sinh ngày 19/3/2018 cho anh Trần Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

+ Giao cháu Trần Kim Ng, sinh ngày 03/11/2022 cho chị Dương Thị Bích H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi.

Anh Trần Văn L, Chị Dương Thị Bích H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào.

- Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết Chị Dương Thị Bích H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của Chị Dương Thị Bích H, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền: Tại thời điểm Chị Dương Thị Bích H khởi kiện bị đơn anh Trần Văn L cư trú tại xã Ea Phê, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên Tòa lần thứ nhất anh Trần Văn L vắng mặt không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa và tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho anh L, chị H. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Chị Dương Thị Bích H có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Trần Văn L vắng mặt không có lý do. Áp dụng Điều 227 và Điều 228 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh L.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Bích H và anh Trần Văn L tìm hiểu yêu thương nhau trên cơ sở tự nguyện, có Đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 88/2017, ngày 06 tháng 12 năm 2017. Như vậy, hôn nhân của chị H và anh L là hợp pháp được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, sau khi kết hôn anh L và chị H sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Năm 2023, chị H đã mang theo cháu Trần Kim Ng về nhà cha mẹ đẻ và sống ly thân với anh L từ đó cho đến nay.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải, để tạo cơ hội cho anh L, chị H về đoạn tụ gia đình. Tuy nhiên, anh Trần Văn L không đến Tòa để tham gia hòa giải nên Tòa án không hòa giải được. Mặt khác, kết quả xác minh tại địa phương xã Ea Phê, tỉnh Đắk Lắk thể hiện: Quá trình sinh sống tại địa phương chị H đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2023, anh L và chị H sống ly thân với nhau từ đó đến nay. Điều đó chứng tỏ hôn nhân của chị H, anh L không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Chị H có nguyện vọng tha thiết xin được ly hôn anh Trần Văn L. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, anh L, chị H đã ly thân nhau một thời gian khá dài không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Do vậy, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình cho Chị Dương Thị Bích H ly hôn anh Trần Văn L là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Trong quá trình chung sống Chị Dương Thị Bích H, anh Trần Văn L có 02 con chung là cháu Trần Gia H, sinh ngày 19/3/2018 và cháu Trần Kim Ngân, sinh ngày 03/11/2022. Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án chị H có nguyện vọng xin nuôi dưỡng cháu H và Ngân. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị H có nguyện vọng

xin được nuôi dưỡng cháu Trần Kim Ng, sinh ngày 03/11/2022, giao cháu Trần Gia H cho anh Trần Văn L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên, bản thân cháu H có nguyện vọng được sống với bố là anh Trần Văn L. Xét việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng sau khi bố mẹ ly hôn cần xét đến lợi ích mọi mặt của các cháu. Hiện nay cháu H đang sống với anh L, cháu Ng đang sống với chị H. Tại phiên tòa cháu Trần Gia H có nguyện vọng sống với anh L. Như vậy, để tránh làm thay đổi môi trường sống của các cháu, cũng như tránh làm xáo trộn tâm lý của các cháu khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy, HĐXX áp dụng Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình, giao cháu Trần Gia H, sinh ngày 19/3/2018 cho anh Trần Văn L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Trần Kim Ng, sinh ngày 03/11/2022 cho Chị Dương Thị Bích H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên là phù hợp với quy định của pháp luật.

“Anh Trần Văn L, Chị Dương Thị Bích H được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản. Tuy nhiên, anh L, chị H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung”

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án Chị Dương Thị Bích H không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án Chị Dương Thị Bích H không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc Chị Dương Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là phù hợp.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk tại phiên tòa là tương đối phù hợp nên HĐXX cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân gia đình.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho Chị Dương Thị Bích H ly hôn anh Trần Văn L.
 - Về con chung:
 - + Giao cháu Trần Gia H, sinh ngày 19/3/2018 cho anh Trần Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.
 - + Giao cháu Trần Kim Ng, sinh ngày 03/11/2022 cho Chị Dương Thị Bích H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi.
- “Anh Trần Văn L, Chị Dương Thị Bích H được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản. Tuy nhiên, anh L, chị H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung”*
- Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Chị Dương Thị Bích H, anh Trần Văn L không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào.
 - Về tài sản chung, nợ chung: Chị Dương Thị Bích H không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.
 - Về án phí: Chị Dương Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0001766 ngày 08 tháng 10 năm 2025.

Nguyên đơn, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu: HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền

